

Bản án số: **34** /2023/HS-ST
Ngày 27/7/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Thị H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 15/8/1960 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10;

Con ông: Phạm Văn Q (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T (Đã chết).

Anh chị em ruột có: 07 người, bị cáo là con thứ năm;

Chồng: Mai Xuân T1; Con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ và tên: Mai Văn T2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/6/1962 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10;

Con ông: Mai Văn N (Đã chết); Con bà: Mai Thị M (Đã chết);

Anh chị em ruột có: 07 người, bị cáo là con thứ sáu;

Vợ: Nguyễn Thị L; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 23/HSST ngày 26/6/1990 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hoà, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt Toán 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội Cường đoạt tài sản công dân và phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã chấp hành xong)

+ Tại bản án số 22/HS-ST ngày 22/10/1996 của Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, xử phạt T2 36 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân, thời hạn tù tính từ ngày bắt để tạm giữ tạm giam là ngày 26/3/1996 và phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ và tên: Nguyễn Đình P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/12/1988 tại Gia Lâm, Hà Nội; Nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông: Nguyễn Đình L1; Con bà: Nguyễn Thị B, hiện ở thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Anh chị em ruột có: 03 người, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Mai Thị H1; Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất dinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân Thân:

+ Tại Quyết định xử phạt hành chính số 223913, ngày 05/4/2009, của Công an Quận L, thành phố Hà Nội xử phạt P 100.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành xong).

+ Tại Quyết định xử phạt hành chính số 294196, ngày 15/6/2010 của Công an huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 200.000đ về hành vi đánh nhau (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Họ và tên: Nguyễn Trung K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/4/1979 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 08/12;

Con ông: Nguyễn Trung T3 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị S, hiện ở khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 04 người, bị cáo là con lớn nhất;

Vợ: Nguyễn Thị N1; Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

5. Họ và tên: Mai Văn A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/5/1977 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Mai Thanh B1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H2, hiện ở khu E, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 05 người, bị cáo là con lớn nhất;

Vợ: Phùng Thị H3; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: tại bản án số 24/2011/HSST, ngày 24/6/2011 của TAND huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc và phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/5/1971 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10;

Con ông: Nguyễn Văn T4 (đã chết); Con bà: Lê Thị T5 (đã chết).

Anh chị em ruột có: 07 người, bị cáo là con thứ sáu;

Vợ: Vương Thị Kim Đ; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 11/6/2020, bị Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ ra Quyết định xử phạt hành chính với mức phạt 500.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt ngày 29/6/2020).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

7. Họ và tên: Mai Quốc T6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06/5/1982 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Mai Văn N2; Con bà: Nguyễn Thị V (đã chết).

Anh chị em ruột có: 07 người, bị cáo là con thứ năm;

Vợ: Trì Thị Q1; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

8. Họ và tên: Nguyễn Văn T7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/4/1981 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12;

Con ông: Nguyễn Văn C1 (đã chết); Con bà: Lê Thị T8, hiện ở khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 06 người, bị cáo là con thứ năm;

Vợ: Đỗ Thị H4; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

9. Họ và tên: Khuất Văn T9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/8/1982 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Khuất Văn M1; Con bà: Lỗ Thị H5, hiện ở khu A, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 03 người, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ: Hán Thị H6; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

10. Họ và tên: Nguyễn Hải L2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/01/1975 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu D, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Nguyễn Văn Đ1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M2 (Đã chết).

Anh chị em ruột có: 05 người, bị cáo là con thứ tư;

Vợ: Mai Thị H7; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

11. Họ và tên: Đinh Quang H8; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/11/1984 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Đinh Tiến K1; Con bà: Mai Thị L3, hiện ở khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 04 người, bị cáo là con thứ nhất;

Vợ Nguyễn Thị L4; Con: có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

12. Họ và tên: Nguyễn Văn T10; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/7/1993 huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Khu F, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện tại: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Nguyễn Thái S1 (không xác định được địa chỉ); Con bà: Ngô Thị M3, hiện ở khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 02 người, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Phùng Thị Thu T11; Con: 01 người con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

13. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/12/1980 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Nguyễn Việt T12 (đã chết); Con bà: Đỗ Ngọc S2, hiện ở khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh chị em ruột có: 04 người, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Tạ Thị N3; Con: có 03 người con lớn nhất sinh năm 2002 nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: tại bản án số 13/2011/HSST ngày 28/02/2011, của TAND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Nguyễn Ngọc H9 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc phạt 3.000.000đ sung CQNN và phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

14. Họ và tên: Khuất Duy L5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/02/1978 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Khuất Duy N4 (đã chết); Con bà: Phùng Thị T13 (đã chết).

Anh chị em ruột có: 04 người, bị cáo là con thứ ba;

Vợ: Mai Thị Kim C2; Con: có 02 người con lớn sinh năm 2002 nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các bị cáo hôm nay đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 55 phút ngày 24/02/2023, Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng chính quyền địa phương xã H, huyện T, phát hiện, bắt quả tang tại kho để đồ của gia đình Phạm Thị H, sinh năm 1960, thuộc khu B, xã H, huyện T, 13 đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Mai Văn T2, sinh năm 1962, Nguyễn Trung K, sinh năm 1979, Mai Văn A, sinh năm 1977, Khuất Duy L5, sinh năm 1978, Nguyễn Văn C, sinh năm 1971, Khuất Văn T9, sinh năm 1982, đều trú tại khu C, xã H, huyện T; Nguyễn Đình P, sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; Nguyễn Ngọc H9, sinh năm 1980, trú tại khu B, xã H, huyện T; Nguyễn Văn T10, sinh năm 1993, trú tại khu F, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Nơi ở hiện tại: khu B, xã H, huyện T); Đinh Quang H8, sinh năm 1984, trú tại khu B, xã H, huyện T, (Nơi ở hiện tại: khu B, xã H, huyện T); Mai Quốc T6, sinh năm 1982, trú tại khu B, xã H, huyện T; Nguyễn Hải L2, sinh năm 1975, trú tại khu D, xã H, huyện T; Nguyễn Văn T7, sinh năm 1981, trú tại khu A, xã H, huyện T. Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 chiếc bát sứ hình tròn, 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, 01 chiếc thảm; 01 chiếc chiếu nhựa, 01 chiếc kéo kim loại và số tiền 16.330.000đ (tạm giữ tại chiếu bạc); 14 chiếc điện thoại di động nhiều nhãn hiệu khác nhau, 07 ví giả da và số tiền 2.090.000đ (tạm giữ trên người các đối tượng đánh bạc và Phạm Thị H).

Hành vi của các bị can diễn ra như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 24/02/2023, sau khi đi dự đám cưới tại nhà của ông bà M4 - Sang thuộc khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ xong thì Mai Văn T2, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Ngọc H9, Khuất Duy L5, Nguyễn Hải L2, Nguyễn Văn C, cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, tất cả đồng ý. Sau đó, những người này cùng rủ nhau đi đến nhà ở của gia đình Phạm Thị H (cách đám cưới khoảng 100m) để cùng nhau đánh bạc, có người đến trước người đến sau. Khi đến cổng nhà H thì Mai Văn A nhặt được 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; Nguyễn Trung K tìm được ở cổng nhà H 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, rồi dùng kéo cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng L6 ra thành 04

quân vị hình tròn. Lúc này không thấy H đâu nên Mai Văn T2 gọi to, sau đó H đi từ trong nhà ra ngoài, thấy vậy T2 nói “*Cho anh em chơi mấy ván*”, H hiểu ý T2 hỏi cho mọi người đánh bạc nhờ trong khu vực nhà mình, do quen biết và là anh em xa nên H đồng ý và nói: “*Chỉ cho chơi nửa tiếng thôi*”. Sau đó mọi người đi vào trong kho để đồ (tiếp giáp với nhà bếp và cổng) của gia đình H để đánh bạc, thấy vậy H nói tiếp: “*Bọn mày vào trong kho thì không có đường thoát*” (ý nói nếu bị lực lượng Công an phát hiện thì không có đường bỏ chạy) rồi đi vào trong gian bếp của gia đình mình lấy 01 chiếc chiếu nhựa mang ra đưa cho một người (không nhớ rõ là ai) ở đầu cửa nhà bếp. Sau đó, Mai Văn T2 tiếp tục nói: “*Bá cho em mượn thêm cái chắn*”, H tiếp tục đi vào trong gian bếp lấy ra 01 chiếc thảm làm bằng vải dạng nhung rồi mang vào trong kho đưa cho Mai Văn T2 rồi đi ra ngoài. Lúc này, Mai Văn A bỏ ra chiếu bộ bát, đĩa sứ vừa nhặt được, Nguyễn Trung K bỏ ra chiếu 04 quân vị hình tròn vừa cất. Sau đó Mai Văn T2, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Khuất Duy L5, Nguyễn Hải L2, Nguyễn Văn C cùng nhau ngồi xuống đánh bạc. Mai Văn T2 là người cầm cái xóc đĩa những người khác tùy ý đặt tiền các cửa chắn, lẻ đánh bạc. Đánh bạc được khoảng vài ván thì Nguyễn Ngọc H9 đến cùng ngồi xuống tham gia đánh bạc.

Cả nhóm đánh bạc được một lúc thì có lần lượt có Nguyễn Đình P, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10 đến nhà H chơi, thấy mọi người đang đánh bạc nên những người này cũng tham gia đánh bạc. Lúc này, mọi người tham gia đánh bạc thống nhất mỗi người góp 50.000đ đưa cho Mai Văn T2 để đưa cho Phạm Thị H vì đã cho mọi người đánh bạc tại nhà của mình, tất cả đồng ý. Sau đó mọi người góp được số tiền 450.000đ đưa cho Mai Văn T2. Mai Văn T2 góp thêm 50.000đ và đổi ra thành 01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đ để đưa cho H. Khi những người trên đang đánh bạc thì H đi vào để lấy gạo nấu cơm lúc này Mai Văn T2 nói “*Chúng em gửi bá ít tiền*” đồng thời đưa cho H 01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đ. H hiểu ý Mai Văn T2 đưa tiền cho mình vì đã cho mọi người đánh bạc nhờ nên H cầm tiền và đút vào túi quần, không nói gì và đi ra ngoài. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Mai Quốc T6 đến nhà H chơi thấy mọi người đánh bạc nên cũng tham gia đánh bạc. Lúc này, Mai Văn T2 chuyển cho Nguyễn Đình P cầm cái xóc đĩa để mọi người cùng nhau đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 35 cùng ngày, thì có lần lượt Nguyễn Văn T7 và Khuất Văn T9 đến nhà H chơi thấy mọi người đang đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 55 phút cùng ngày khi những người trên đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng chính quyền địa phương xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ phát hiện, bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng đánh bạc khai nhận: Mỗi ván bạc người cầm cái dùng bát, đĩa sứ cho 04 quân vị hình tròn có hai mặt khác nhau, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng vào bên trong rồi xóc đều lên sau đó để bát đĩa xuống chiếu bạc và chờ cho các con bạc đặt cửa. Các con bạc đặt tiền theo hai cửa là cửa lẻ và cửa chắn (cửa lẻ là ở bên phía tay trái người cầm cái, cửa chắn là ở bên phía tay phải người cầm cái). Cửa lẻ là khi người cầm cái mở bát ra nếu có một hoặc ba trong bốn quân vị cùng một màu. Cửa chắn là khi người cầm cái mở bát ra có hai hoặc bốn quân vị cùng một màu. Khi người cầm cái xóc đĩa, các con bạc tùy ý của mình đặt tiền vào cửa lẻ hoặc cửa chắn. Sau khi các con bạc đặt tiền xong thì người cầm cái mở bát, căn cứ vào kết quả khi mở bát người cầm cái sẽ tính toán số tiền đặt cửa của các con bạc để xác định thắng thua, người chơi đặt tiền đúng cửa của mình nếu thắng bạc được nhận số tiền tương ứng với số tiền mình đã đặt cửa, ngược lại nếu thua sẽ bị

mất số tiền đã đặt cửa. Sau đó người cầm cái sẽ căn cứ vào số tiền giữa hai cửa chặn lẻ để xác định việc thắng thua của bản thân mình và trả tiền cho các con bạc đã thắng bạc. Mức đặt cửa mỗi ván thấp nhất là 20.000đ và cao nhất là 200.000đ. Quá trình đánh bạc ban đầu Mai Văn T2 là người cầm cái được khoảng 30 phút thì chuyển cho Nguyễn Đình P cầm cái, xóc đĩa, mở bát cho mọi người đặt cửa đánh bạc đến khi bị bắt quả tang.

Về lượng tiền sử dụng để đánh bạc các đối tượng khai nhận:

Nguyễn Văn C có số tiền 3.810.000đ và bỏ ra chiếu bạc số tiền 3.200.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 610.000đ để trong người khai nhận không sử dụng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện để tiền tại chiếu bạc nên không rõ thắng hay thua bạc.

Mai Quốc T6 có số tiền 2.850.000đ và bỏ trước ra chiếu bạc số tiền 2.500.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 350.000đ để trong người khai nhận sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện đang thắng bạc được số tiền 200.000đ, toàn bộ số tiền đã bỏ ra và số tiền thắng bạc vẫn để tại chiếu bạc.

Mai Văn T2 có số tiền 2.320.000đ, bỏ trước ra chiếu bạc số tiền 2.000.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 320.000đ để trong người và khai nhận vẫn sử dụng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có bỏ ra 50.000đ để góp tiền đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện không rõ thắng thua, tiền vẫn để tại chiếu bạc.

Nguyễn Văn T7: Có số tiền 1.200.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Khi bị phát hiện đang thắng bạc được số tiền 400.000đ, toàn bộ số tiền bỏ ra và số tiền thắng bạc vẫn để tại chiếu bạc.

Khuất Văn T9: Có số tiền 950.000đ và bỏ trước ra chiếu bạc số tiền 790.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 160.000đ để trong người khai nhận sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện đang hòa tiền và để tiền tại chiếu bạc.

Nguyễn Hải L2 có số tiền 850.000đ và bỏ trước ra chiếu bạc số tiền 830.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 20.000đ để trong người khai nhận sử dụng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện đang thắng bạc được 50.000đ, toàn bộ số tiền đã bỏ ra và số tiền thắng bạc vẫn để tại chiếu bạc.

Nguyễn Đình P có số tiền 800.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện đang thắng bạc nhưng không rõ là thắng được bao nhiêu tiền, toàn bộ số tiền vẫn để tại chiếu bạc.

Đình Quang H8 có số tiền 610.000đ và bỏ ra chiếu bạc số tiền 500.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 110.000đ để trong người khai nhận không sử dụng để đánh bạc. Khi bị phát hiện thua bạc hết tiền.

Nguyễn Trung K có số tiền 500.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện thua bạc hết tiền.

Mai Văn A có số tiền 500.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện đang thua bạc số tiền 350.000đ, còn lại số tiền 100.000đ để tại chiếu bạc.

Nguyễn Văn T10 có số tiền 500.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H.

Khi bị phát hiện đang thua bạc số tiền 50.000đ, còn lại số tiền 400.000đ để tại chiếu bạc.

Nguyễn Ngọc H9 có số tiền 360.000đ bỏ toàn bộ ra chiếu bạc để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện vừa thua bạc hết tiền.

Khuất Duy L5 có số tiền 300.000đ, bỏ trước ra chiếu bạc số tiền 280.000đ để đánh bạc, còn lại số tiền 20.000đ để trong người khai nhận vẫn sử dụng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có đưa cho Mai Văn T2 50.000đ để đưa cho Phạm Thị H. Khi bị phát hiện đang thắng bạc được số tiền 50.000đ, toàn bộ số tiền đã bỏ ra và số tiền thắng bạc vẫn để tại chiếu bạc.

Về các vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 18.420.000đ; Trong đó: Có 17.700.000đ là tiền các con bạc sử dụng để đánh bạc gồm (16.330.000đ là tiền thu giữ tại chiếu bạc và 1.370.000đ là tiền tạm giữ trên người các đối tượng đánh bạc và tạm giữ của H); Còn lại số tiền 720.000đ trong đó (của Nguyễn Văn C là 610.000đ và của Đinh Quang H8 là 110.000đ) không sử dụng để đánh bạc và vi phạm pháp luật.

Đối với: 04 quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc bát sứ hình tròn, đáy bát có dòng chữ “GÓM SÚ CAO CẤP BÁT TRÀNG”; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, đáy đĩa có dòng chữ “GUANGXICHINA”; 01 chiếc thảm được làm bằng vải dạng nhung; 01 chiếc chiếu được làm bằng nhựa kích thước 2,0 x 1,6 m; 01 chiếc kéo được làm bằng kim loại màu đen, thân kéo được dập chìm dòng chữ: “protek P02”. Đây là các công cụ các con bạc sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, gắn sim số: 0342.317.999 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “BURBERRY” (tạm giữ của Mai Văn T2); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ gắn sim số: 0392.888.506 (tạm giữ của Nguyễn Đình P); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh gắn 02 sim số 0977.115.156; và 0977.391.569 (tạm giữ của Nguyễn Trung K); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng gắn sim số 0974.020.585 (tạm giữ của Mai Văn A); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu ghi gắn sim số: 0987.732.880 (tạm giữ của Nguyễn Ngọc H9); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu xanh gắn 02 sim số: 0967.218.445 và 0368.142.120 (tạm giữ của Nguyễn Văn T10); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen, gắn sim số 0987.786.659 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu (tạm giữ của Khuất Duy L5); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đồng gắn sim số 0977.541.184 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, mặt ngoài có dập chìm dòng chữ: “mazda” (tạm giữ của Đinh Quang H8); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đỏ gắn 02 sim số 0384.892.186 và 0911.373.915. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh gắn sim số: 0865.186.317 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu (tạm giữ của Mai Quốc T6); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen gắn sim số: 0984.196.275 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “NeO” (tạm giữ của Nguyễn Hải L2); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu ghi gắn sim số 0362.729.960 và 01 chiếc ví giả da, màu

đen, dập vân cá sấu (tạm giữ của Nguyễn Văn C); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen, màu vàng-đen gắn sim số: 0989.622.363 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài của ví có dập chìm dòng chữ: “AGUYN” (tạm giữ của Khuất Văn T9); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen gắn sim số 0354.332.975 (tạm giữ của Nguyễn Văn T7). Các đồ vật, tài sản nêu trên không liên quan đến hành vi đánh bạc và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc như trên và không có ý kiến bổ sung gì khác.

Bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSTB ngày 15/6/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo: Mai Văn Toán, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Ngọc H9, Nguyễn Văn T10, Khuất Duy L5, Đinh Quang H8, Mai Quốc T6, Nguyễn Hải L2, Nguyễn Văn C, Khuất Văn T9, Nguyễn Văn T7 về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “*Gá bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Hiền t 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn T2 từ 55 triệu đồng đến 60 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Văn A từ 40 triệu đồng đến 45 triệu đồng; Nguyễn Ngọc H9 từ 45 đến 50 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P từ 40 triệu đồng đến 45 triệu đồng; Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T7 từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng; Khuất Văn T9, Đinh Quang H8 và Nguyễn Văn T10 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hải L2, Nguyễn Trung K và Khuất Duy L5 mỗi bị cáo từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì hình phạt chính là hình phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Quốc T6 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023, quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng. Không khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.700.000đ (Trong đó: 16.330.000đ là tiền thu giữ tại chiếu bạc; 1.370.000đ là tiền tạm giữ trên người các đối tượng đánh bạc và tạm giữ của H); Đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Tịch thu cho tiêu hủy 04 quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc bát sứ hình tròn, đáy bát có dòng chữ “GỐM SỨ CAO CẤP BÁT TRÀNG”; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, đáy đĩa có dòng chữ “GUANGXICHINA”; 01 chiếc thảm được làm bằng vải dạng nhung; 01 chiếc chiếu được làm bằng nhựa kích thước 2,0 x 1,6 m; 01 chiếc kéo được làm bằng kim loại màu đen, thân kéo được dập chìm dòng chữ: “protek P02”. Đây là các công cụ sử dụng vào việc đánh bạc.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C là 610.000đ và của Đinh Quang H8 là 110.000đ. Đây là tiền riêng của các bị cáo không sử dụng để đánh bạc và vi phạm pháp luật. Nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho các bị cáo: Mai Văn T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, gắn sim số: 0342.317.999 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “BURBERRY”; Nguyễn Đình P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ gắn sim số: 0392.888.506; Nguyễn Trung K 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh gắn 02 sim số 0977.115.156; và 0977.391.569; Mai Văn A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng gắn sim số 0974.020.585; Nguyễn Ngọc H9 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu ghi gắn sim số: 0987.732.880; Nguyễn Văn T10 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu xanh gắn 02 sim số: 0967.218.445 và 0368.142.120; Khuất Duy L5 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen, gắn sim số 0987.786.659 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu; Đinh Quang H8 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đồng gắn sim số 0977.541.184 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, mặt ngoài có dập chìm dòng chữ: “mazda”; Mai Quốc T6 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đỏ gắn 02 sim số 0384.892.186 và 0911.373.915. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh gắn sim số: 0865.186.317 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu; Nguyễn Hải L2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen gắn sim số: 0984.196.275 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “NeO”; Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu ghi gắn sim số 0362.729.960 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, dập vân cá sấu; Khuất Văn T9 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen, màu vàng-đen gắn sim số: 0989.622.363 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài của ví có dập chìm dòng chữ: “AGUYN”; Nguyễn Văn T7 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen gắn sim số 0354.332.975. Các đồ vật, tài sản nêu trên không liên quan đến hành vi đánh bạc và vi phạm pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không bị oan. Các bị cáo không tự bào chữa và cũng không tranh luận gì; Bị cáo Phạm Thị H, bị cáo Mai Văn T2 và bị cáo Mai Quốc T6 đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Các bị cáo nói lời sau cùng đều ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận:

Phạm Thị H mặc dù biết hành vi đánh bạc và cho người khác đánh bạc tại nhà ở của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên do nể nang mối quan hệ quen biết và hám lợi nên trong ngày 24/02/2023 tại kho để đồ của gia đình mình thuộc khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, H đã đồng ý cho 13 đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, qua việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình H được 10 đối tượng trả cho số tiền 500.0000đ. Tổng số tiền mà các đối tượng Mai Văn T2, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Mai Quốc T6, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9, Khuất Duy L5 đã sử dụng để đánh bạc được xác định là 17.700.000đ, vì vậy Phạm Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội gá bạc.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Mai Văn T2, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Mai Quốc T6, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9, Khuất Duy L5 phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

“Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, không ai là người khởi xướng. Tuy nhiên có bị cáo Mai Văn T2, Nguyễn Trung K, Mai Văn A và Phạm Thị H là những người chuẩn bị công cụ, phương tiện để đánh bạc. Bị cáo Mai Văn T2 và Nguyễn Đình P là người cầm cái xóc đĩa để các bị cáo khác đặt cửa. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đều có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội nhưng các bị cáo đã coi thường pháp luật dẫn đến phạm tội. Vì vậy, vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Đối với bị cáo Phạm Thị H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà chỉ xem là bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội. Bị cáo có anh trai ruột là liệt sỹ nên thuộc trường hợp gia đình có công với cách mạng; Vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Mai Văn T2 đã từng bị xét xử về tội Cường đoạt tài sản công dân và Cướp tài sản của công dân; bị cáo Mai Văn A, Nguyễn Ngọc H9 đã từng bị xét xử về tội Đánh bạc, thời điểm phạm tội các bị cáo T2, A, H9 đều đã được xóa án tích nhưng các bị cáo vẫn chưa lấy đó làm bài học kinh nghiệm để sửa chữa mà vẫn tiếp tục phạm tội nên không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Ngoài ra bị cáo Mai Văn T2 trong quá trình sinh sống và làm việc tại địa phương đã có nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh và trong quá trình công tác Hội cựu chiến binh, được tặng thưởng nhiều giấy khen và giấy chứng nhận của cấp huyện, cấp tỉnh. Do đó bị cáo Mai Văn T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Mai Văn A có bố đẻ là ông Mai Thanh B1 là người có công với cách

mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; Bị cáo Nguyễn Ngọc H9 có bố đẻ là ông Nguyễn Việt T12 là người có công với cách mạng, bị nhiễm chất độc hóa học (đã chết). Vì vậy bị cáo Mai Văn A và bị cáo Nguyễn Ngọc H9 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình P đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn C đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo đã chấp hành xong; Vì vậy lần phạm tội này, được coi như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó bị cáo P và bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Trung K, Nguyễn Văn T10, Khuất Duy L5, Đinh Quang H8, Mai Quốc T6, Nguyễn Hải L2, Khuất Văn T9 và Nguyễn Văn T7 trước lần phạm tội này đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Trung K có bố đẻ là ông Nguyễn Trung T3 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; bị cáo Khuất Duy L5 có bố đẻ là ông Khuất Duy N4 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Mai Quốc T6 có bố đẻ là ông Mai Xuân N5 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba và Nguyễn Hải L2 có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu Đ2 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Vì vậy các bị cáo Nguyễn Trung K, Khuất Duy L5, Mai Quốc T6 và Nguyễn Hải L2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tất cả các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Phạm Thị H cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Mai Quốc T6 là phù hợp (Bị cáo thuộc hộ nghèo, nếu áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo sẽ khó có khả năng thi hành án).

Áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo Mai Văn T2, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9 và Khuất Duy L5 cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”* và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Xét thấy: bị cáo Phạm Thị H phạm tội nghiêm trọng, được hưởng lợi từ việc phạm tội, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo Mai Quốc T6: Bị cáo thuộc hộ nghèo, kinh tế gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo Mai Văn T2, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9, Khuất Duy L5 đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ là 17.700.000đ (Trong đó: 16.330.000đ là tiền thu giữ tại chiếu bạc; 1.370.000đ là tiền tạm giữ trên người các đối tượng đánh bạc và tạm giữ của H). Xét thấy, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với: 04 quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc bát sứ hình tròn, đáy bát có dòng chữ “GÔMSÚ CAO CẤP BÁT TRÀNG”; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, đáy đĩa có dòng chữ “GUANGXICHINA”; 01 chiếc thảm được làm bằng vải dạng nhung; 01 chiếc chiếu được làm bằng nhựa kích thước 2,0 x 1,6 m; 01 chiếc kéo được làm bằng kim loại màu đen, thân kéo được dập chìm dòng chữ: “protek P02”. Đây là công cụ mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với: số tiền 610.000đ của bị cáo Nguyễn Văn C và 110.000đ của bị cáo Đinh Quang H8. Đây là tiền riêng của các bị cáo không sử dụng để đánh bạc vì vậy cần trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, gắn sim số: 0342.317.999 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “BURBERRY” của Mai Văn T2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ gắn sim số: 0392.888.506 của Nguyễn Đình P; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh gắn 02 sim số 0977.115.156; và 0977.391.569 của Nguyễn Trung K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng gắn sim số 0974.020.585 của Mai Văn A; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu ghi gắn sim số: 0987.732.880 của Nguyễn Ngọc H9; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu xanh gắn 02 sim số: 0967.218.445 và 0368.142.120 của Nguyễn Văn T10; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen, gắn sim số 0987.786.659 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu của Khuất Duy L5; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đồng gắn sim số 0977.541.184 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, mặt ngoài có dập chìm dòng chữ: “mazda” của Đinh Quang H8; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đỏ gắn 02 sim số 0384.892.186 và 0911.373.915, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh gắn sim số: 0865.186.317 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu của Mai Quốc T6; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen gắn sim số: 0984.196.275 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “NeO” của Nguyễn Hải L2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu ghi gắn sim số 0362.729.960 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, dập vân cá sấu của Nguyễn Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen, màu vàng-

đen gắn sim số: 0989.622.363 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài của ví có dập chìm dòng chữ: “AGUYN” của Khuất Văn T9; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen gắn sim số 0354.332.975 của Nguyễn Văn T7. Những điện thoại này các bị cáo sử dụng để liên lạc hàng ngày, không sử dụng để đánh bạc và vi phạm pháp luật, do đó cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị H, Mai Văn T2 và Mai Quốc T6 đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Mai Văn T2 và Phạm Thị H là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí hình sự, bị cáo Mai Quốc T6 thuộc hộ nghèo, kinh tế gặp khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Thị H, Mai Văn T2 và Mai Quốc T6 là phù hợp.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng và tiền án phí hình sự sơ thẩm. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Thị H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Mai Văn T2.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Ngọc H9.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Đình P, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Đình Quang H8 và Nguyễn Văn T10.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Hải L2, Nguyễn Trung K và Khuất Duy L5.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Mai Quốc T6.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “*Gá bạc*”.

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn T2, Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Mai Quốc T6, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9 và Khuất Duy L5 phạm tội “*Đánh bạc*”.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị H **12** (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

+ Xử phạt bị cáo Mai Văn T2 **60.000.000đ** (*Sáu mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H9 **50.000.000đ** (*Năm mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A1 **40.000.000đ** (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P **40.000.000đ** (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **35.000.000đ** (*Ba mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Khuất Văn T9 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải L2 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.
- + Xử phạt bị cáo Đinh Quang H8 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T10 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.
- + Xử phạt bị cáo Khuất Duy L5 **25.000.000đ** (*Hai mươi lăm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K **20.000.000đ** (*Hai mươi triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Mai Quốc T6 **06** (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ (Được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 24/02/2023 đến ngày 27/02/2023, quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được Quyết định thi hành án;

Giao bị cáo Mai Quốc T6 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo Mai Quốc T6 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung và không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền Ngân hàng N6 17.700.000đ (*Mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 04 quân vị hình tròn được làm bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc bát sứ hình tròn, đáy bát có dòng chữ “GỐM SỨ CAO CẤP BÁT TRÀNG”; 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, đáy đĩa có dòng chữ “GUANGXICHINA”; 01 chiếc thảm được làm bằng vải dạng nhung, hình vuông; 01 chiếc chiếu được làm bằng nhựa kích thước (2,0 x 1,6)m; 01 chiếc kéo được làm bằng kim loại màu đen, thân kéo được dập chìm dòng chữ: “protek P02”.

Trả lại cho các bị cáo: Nguyễn Văn C số tiền 610.000đ (*Sáu trăm mười nghìn đồng*), bị cáo Đinh Quang H8 số tiền 110.000đ (*Một trăm mười nghìn đồng*). Nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Trả lại cho các bị cáo: Mai Văn T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, gắn sim số: 0342.317.999 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “BURBERRY”, tình trạng đã qua sử dụng.

- + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ gắn sim số: 0392.888.506, mật khẩu 888993, điện thoại bị vỡ kính màn hình không rõ hình dạng. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh gắn 02 sim số 0977.115.156; và 0977.391.569.
 - + Trả lại cho bị cáo Mai Văn A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng Gold, màu vàng gắn sim số 0974.020.585, mật khẩu 020020, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H9 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu ghi gắn sim số: 0987.732.880, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T10 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S màu xanh gắn 02 sim số: 0967.218.445 và 0368.142.120, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Khuất Duy L5 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh-đen, gắn sim số 0987.786.659, vỏ điện thoại bị vỡ mất kính màn hình, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu, không có nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Đinh Quang H8 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đồng gắn sim số 0977.541.184 và 01 chiếc ví giả da, màu đen, mặt ngoài có dập chìm dòng chữ: “mazda”, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Mai Quốc T6 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đỏ gắn 02 sim số 0384.892.186 và 0911.373.915, mật khẩu t222, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu xanh gắn sim số: 0865.186.317 và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, dập vân cá sấu, không có nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hải L2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen gắn sim số: 0984.196.275, mật khẩu 001974, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, mặt ngoài ví có dập chìm dòng chữ: “NeO”, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu ghi gắn sim số 0362.729.960, mật khẩu 0000, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc ví giả da, màu đen, dập vân cá sấu, không có nhãn hiệu, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Khuất Văn T9 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Bavapen, màu vàng-đen gắn sim số: 0989.622.363, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc ví giả da, màu nâu, bề mặt ngoài của ví có dập chìm dòng chữ: “AGUYN”, tình trạng đã qua sử dụng.
 - + Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T7 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu đen gắn sim số 0354.332.975, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.
- (Những điện thoại trên của các bị cáo tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án).
- (Toàn bộ tài sản cùng những đồ vật trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án);*

[4]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình P, Nguyễn Trung K, Mai Văn A, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T7, Khuất Văn T9, Nguyễn Hải L2, Đinh Quang H8, Nguyễn Văn T10, Nguyễn Ngọc H9 và Khuất Duy L5 mỗi bị cáo phải nộp 200.000.đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Thị H, bị cáo Mai Văn T2 và bị cáo Mai Quốc T6.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã H, H. Thanh Ba;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Năm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

